

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Hiếu.

2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1974; địa chỉ: Số E đường T, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/11/2024 do Văn phòng C, tỉnh Bình Dương công chứng số 5127, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Số H, đường X, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn (ông T) trình bày:***

Ông A và vợ chồng ông B, bà H có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông B, bà H có đến hỏi vay tiền ông A để làm ăn, hợp đồng vay tiền do vợ chồng ông B, bà H viết, ký tên, điểm chỉ, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 10/01/2023 vay ông A số tiền 100.000.000 đồng, các bên không quy định thời hạn và lãi suất cho vay.

Lần 2: Vào ngày 10/03/2023 vay ông A số tiền 50.000.000 đồng, các bên không quy định thời hạn và lãi suất cho vay.

Đến khi cần lấy lại tiền thì ông A đã thông báo cho ông B, bà H nhưng ông B, bà H không thực hiện; ông A đã nhiều lần tới nhà tìm gặp để yêu cầu vợ chồng ông B, bà H trả nợ nhưng ông B, bà H vẫn không thực hiện mà còn trốn tránh.

Vì vậy, ông A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà H có trách nhiệm phải trả cho ông A tổng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2023, ngày 10/03/2023 và tiền lãi theo mức 0.83%/tháng, cụ thể:

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2023 ông A yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 100.000.000 đồng với mức lãi 0.83%/tháng, tính từ ngày 10/01/2023 cho đến khi vụ việc nêu trên được giải quyết theo Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực của Tòa án theo quy định pháp luật.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 10/03/2023 ông A yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay 100.000.000 đồng với mức lãi 0.83%/tháng, tính từ ngày 10/3/2023 cho đến khi vụ việc nêu trên được giải quyết theo Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực của Tòa án theo quy định pháp luật. Tạm tính tiền gốc và lãi đến ngày 21/02/2025 cả hai hợp đồng vay tiền thì ông A yêu cầu trả tổng số tiền là 182.078.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi, giữ nguyên yêu cầu về tiền nợ gốc.

Ngoài ra, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến nào khác.

**** Quá trình tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ B và bà Nguyễn Thị Ngọc H:***

Tại Biên bản xác minh ngày 08/01/2025, Công an thị trấn D, huyện D xác định: Ông Nguyễn Vũ B và bà Nguyễn Thị Ngọc H hiện nay có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số H, đường X, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để ông B, bà H biết, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông B, bà H vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về tư các tham gia tố tụng; các Điều từ 93 đến 97 về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; xác định đúng quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Người tham gia tố tụng đúng thành phần. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục.

Về nội dung vụ án: Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A theo quy định. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên đề nghị đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông A khởi kiện yêu cầu ông B, bà H thanh toán số tiền gốc 150.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2023, ngày 10/03/2023 và tiền lãi theo mức 0.83%/tháng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có cư trú tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông B, bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về pháp luật áp dụng: Các bên đương sự thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản năm 2023 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông A khởi kiện yêu cầu ông B, bà H phải thanh toán cho ông A tổng số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 10/01/2023 đối với hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2023 và từ ngày 10/03/2023 đối với hợp đồng vay tiền ngày 10/3/2023 cho đến khi vụ việc được giải quyết theo Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực của Tòa án theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện

nguyên đơn chỉ yêu cầu ông B, bà H phải trả số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng, xin rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi. Việc rút yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng năm 2015 và đình chỉ giải quyết.

[2.2] Xét chứng cứ là hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2023 và ngày 10/3/2023 do ông A cung cấp, thể hiện: Vào ngày 10/01/2023, ông B và bà H có vay của ông A số tiền 100.000.000 đồng; ngày 10/3/2023, vay số tiền 50.000.000 đồng có chữ viết, ký tên, điểm chỉ của người mượn là ông B, bà H; các bên không thảo luận thời hạn thanh toán, không thỏa thuận lãi suất. Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản không kỳ hạn được quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015. Đây là giao dịch dân sự không vi phạm quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để ông B, bà H biết, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông B, bà H vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ. Như vậy, ông B, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định ông B, bà H đã thanh toán tổng số tiền vay 150.000.000 đồng cho ông A nên yêu cầu khởi kiện của ông A về số tiền gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 177, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Nguyễn Quốc A đối với ông Nguyễn Vũ B và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc ông Nguyễn Vũ B và bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Quốc A số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Nguyễn Quốc A về số tiền lãi 32.078.000 đồng (ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc A 4.416.650 đồng (bốn triệu bốn trăm mười sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007240 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Ông Nguyễn Vũ B và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2025).

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng